TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2023/HS-ST
Ngày: 23/6/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ H2
2. Bà Nguyễn Ngọc Cúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22, 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 106/2023/HSST ngày 06 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Văn Đ, sinh ngày 05 tháng 11 năm 1991 tại Hải Dương.

Nơi cư trú: Khu phố N, thị trấn V, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D (đã chết) và bà Bùi Thị D1, sinh năm 1964; bị cáo có vợ tên Lý Huỳnh N, sinh năm 1992 và có 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 27/10/2022, tạm giam ngày 02/11/2022. Bị cáo có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Tiến P, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Tổ T, khu phố B, thị trấn V, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Người làm chứng:

1. Ông Phạm Văn N – Cán bộ đội CSĐTTP về HSKTMT công an huyện Vĩnh Cửu.

2. Ông Trần Ngọc S – Cán bộ công an thị trấn V, huyện Vĩnh Cửu.

3. Ông Đặng Khánh H – Cán bộ đội CSHS-KTMT công an huyện Vĩnh Cửu.

4. Ông Lê Mạnh H1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ N, khu phố S, thị trấn V, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo có mặt; người làm chứng S và H có mặt ngày 22/6/2023 xin vắng mặt ngày 23/6/2023; người làm chứng N và H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn Đ là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 15 giờ ngày 07/7/2022, Đ sử dụng điện thoại Iphone 6 (không nhớ số thuê bao) gọi cho đối tượng H2 (không rõ họ) ngụ tại khu phố 2, thị trấn V, huyện Vĩnh Cửu mua ma túy. Đ đến chỗ H2 nhận 01 bịch màu đen bên trong đựng ma túy (không rõ trọng lượng và chưa trả tiền cho H2) rồi bỏ ma túy mua được vào ba lô màu đỏ đô. Khoảng 19 giờ 20 phút ngày 07/7/2022, Đ để ba lô màu đỏ đô bên trong có ma túy và các vật dụng trên gác ba ga xe mô tô hiệu Exciter biển số 60B9-50304 và dựng xe mô tô trước số nhà 219 đường ĐT 767 thuộc tổ 3, khu phố 6, thị trấn V, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai thì bị tổ công tác Công an huyện Vĩnh Cửu phối hợp Công an thị trấn V tuần tra P hiện Đ có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Khi lực lượng tuần tra yêu cầu kiểm tra hành chính thì Đ không đồng ý nên lực lượng tuần tra khống chế Đ, hai bên giằng co đến khi cách vị trí xe mô tô khoảng 2m đến 3m thì Đ thoát ra được và bỏ chạy. Đ bỏ lại xe mô tô có ba lô và các vật dụng rồi chạy bộ bỏ trốn được một đoạn thì gặp Võ Đ B, sinh năm 1990 ngụ tại khu phố 2, thị trấn V, huyện Vĩnh Cửu điều khiển xe mô tô đi ngang qua, Đ nhờ B chở đi, lực lượng Công an tiến hành kiểm tra P hiện đồ vật, tài sản Đ để lại có ma túy nên lập biên bản sự việc, củng cố hồ sơ xử lý theo quy định pháp luật. Ngày 27/10/2022, Đ bị Cơ quan cảnh sát điều tra bắt giữ và khai nhận toàn bộ hành vi.

Tang vật, tài sản tạm giữ:

01 xe mô tô hiệu Exciter màu đỏ trắng biển số 60B9-50304;

Dưới nền vỉa hè cạnh xe mô tô biển số 60B9-50304 có 01 bịch nilon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng (đã được niêm phong); 01 bao thuốc lá hiệu 555 bên trong có: 02 bịch nilon loại túi zip bên trong có chứa tinh thể màu trắng (đã

được niêm phong) và 02 bịch nilon hàn kín bên trong có chứa tinh thể màu trắng (đã được niêm phong).

01 ba lô màu đỏ đô để trên gác ba ga xe mô tô biển số 60B9-50304, bên trong ba lô có: 01 quần jean màu xanh; 01 quần đùi màu trắng; 01 quần soọc ca rô màu xanh; 01 túi vải màu đen, bên trong túi vải màu đen có 06 bịch nilon loại túi zip, bên trong mỗi túi zip đều chứa tinh thể màu trắng (đã được niêm phong); 01 ví da màu nâu bên trong có 01 chứng minh nhân dân số 272145628 tên Lê Văn Đ; 01 giấy phép lái xe số AM 186500 hạng A1 và 01 giấy phép lái xe số AU 243279 hạng B2 đều mang tên Lê Văn Đ; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 031255 mang tên Lê Tiến P, sinh năm 2000 của xe đăng ký biển số 60B9-50304.

03 điện thoại di động hiệu Iphone; 01 điện thoại di động hiệu Samsung và số tiền 8.850.000 đồng.

01 kéo sắt trắng; 01 cân tiểu ly hiệu Pocket seale;

01 đèn pin; 01 sợi dây kim loại kiểu sợi dây chuyền nghi bằng inox.

Tại Kết luận giám định số 1473/KLGĐ-PC09 ngày 18/7/2022 của Giám định viên Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

+ Mẫu tinh thể màu trắng (ký hiệu M1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy có khối lượng 5,3643 gam loại Methamphetamine.

+ Mẫu tinh thể màu trắng (ký hiệu M2) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy có khối lượng 82,3340 gam loại Methamphetamine.

Tại Cáo trạng số: 65/CT-VKSVC ngày 07/4/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đã truy tố bị cáo Lê Văn Đ về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma tuý"* theo điểm b khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa ngày 22/6/2023 đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma tuý*"; Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249, Điều 38, Điều 47, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016, xử phạt bị cáo Đ mức án từ 13 năm đến 13 năm 06 tháng tù. Tại phiên tòa ngày 23/6/2023 bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và thay đổi mức đề nghị hình phạt, xử phạt bị cáo Đ mức án từ 10 năm đến 12 năm tù.

Về xử xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ.

Tại phiên tòa ngày 22/6/2023 bị cáo Lê Văn Đ thừa nhận, ngày 07/7/2022 bị cáo có đi mua ma túy của đối tượng tên H2 về để sử dụng, khi bị cáo đang dừng xe bên đường thì bị hai người mặc thường phục vào khống chế siết cổ bị cáo trên xe, sau đó giằng co đè bị cáo xuống nền đường cách vị trí xe mô tô của bị cáo khoảng 2m đến 3m với thời gian khoảng 5 đến 10 phút. Lúc bị cáo bị khống chế nghe tiếng hô cướp, sau đó bị cáo ngước mặt lên có thấy mặt anh Hưng và bị cáo nói vì sao giữ em, lúc này tinh thần bị cáo hoảng loạn nên tìm cách chạy thoát. Sau đó bị cáo thoát ra được bỏ chạy, lúc bị cáo bỏ chạy vơ tay giật bịch ma túy mang theo. Tất cả tài sản bị thu giữ đúng là của bị cáo để lại như bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo thừa nhận lời khai trong quá trình điều tra đúng là bị cáo tự khai, tự tường trình và xác nhận đọc lại và ký tên, bị cáo không có ý kiến gì về lời khai trong quá trình điều tra. Tuy nhiên, số ma túy bị cáo mua sau khi bị lực lượng công an kiểm tra P hiện thì bị cáo đã giật bịch ma túy chạy đi và đã sử dụng hết nên bị không không biết số ma túy Viện kiểm sát truy tố là của ai. Tại phiên tòa ngày 23/6/2023 bị cáo Lê Văn Đ ăn năn hối cải, biết hành vi của bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật và khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy theo như nội dung bản cáo trạng mô tả và truy tố bị cáo là đúng người đúng tội.

Tại phiên tòa ngày 22/6/2023 người làm chứng H và S trình bày: Vào ngày 07/7/2022, lúc đang tuần tra P hiện một thanh niên nghi ngờ nên yêu cầu kiểm tra hành chính. Khi áp sát đối tượng Đ thì ông H đứng bên phía tay trái, ông S đứng bên phía tay phải và nói công an kiểm tra hành chính nhưng đối tượng không chấp hành, sau đó giữ đối tượng và hai bên giằng co khoảng hơn 01 phút cách vị trí xe mô tô của bị cáo khoảng 02 đến 03 mét. Khi bị cáo bỏ chạy thì bị cáo chạy từ vị trí bị khống chế chạy thẳng ra hướng ngã ba Trị An nên bị cáo không thể chạy lại lấy bịch ma túy được. Sau khi bị cáo bỏ chạy thì lực lượng tuần tra đã quay vi deo hiện trường lập biên bản ghi nhận sự việc và kiểm tra tài sản để lại trong đó có ma túy.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến

hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh:

[2.1] Tại phiên tòa ngày 22/6/2023 bị cáo không thừa nhận số ma túy mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đã truy tố bị cáo là của ai vì khi bỏ chạy bị cáo đã mang theo ma túy và đã sử dụng hết. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo không thừa nhận ma túy bị thu giữ tại hiện trường mà Viện kiểm sát truy tố theo Kết luận giám định số 1473/KL-KTHS ngày 17/8/2022 kết luận là ma túy có khối lượng 87,6983 gam loại Methamphetamine vì khi bị cáo bỏ chạy đã mang theo bịch ma túy là không có cơ sở. Bởi lẽ, lời khai của người làm chứng, cán bộ công an tuần tra kiểm tra bị cáo, lời khai của bị cáo về quá trình mua ma túy trong đến khi bị cáo bỏ chạy là phù hợp với nhau. Khi bị cáo bị kiểm tra hành chính tại hiện trường bị cáo và người làm chứng đều khai bị cáo bị khống chế từ xe mô tô của bị cáo sau đó giằng co cách vị trí xe mô tô khoảng cách 2 đến 3 mét, lúc này bị cáo hoảng loạn muốn thoát thân nên việc bị cáo khai bị cáo chạy lại vơ lấy bịch ma túy mang đi là không phù hợp.

[2.2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi có đi mua ma túy và bỏ trong ba lô của bị cáo, ngoài ra bị cáo còn nhớ rất rõ chi tiết tài sản bị cáo bị thu giữ theo nội dung bản cáo trạng, trong đó có cân tiểu ly để phân chia ma túy. Việc bị cáo thay đổi lời khai tại phiên tòa về việc khi bỏ chạy bị cáo mang theo bịch ma túy là không phù hợp với diễn biến và hành vi của bị cáo thực hiện, việc thay đổi lời khai không phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra tại bản tường trình (bút lục số 51, 52, 53, 54), biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can. Tại bản tường trình (bút lục số 51) bị cáo khai "…để lại 1 xe mô tô mang biển số 60B9-50304 và ba lô trong ba lô có 1 gói nilon ở trong có tinh thể màu trắng là ma túy mua về để sử dụng và đã bị tịch thu…". Hơn nữa, trong quá trình điều tra bị cáo không bị ép cung, dùng cực hình.

[2.3] Mặt khác, quá trình ghi nhận sự việc, xác định hiện trường đã được quay lại bằng camera, việc niêm phong và mở niêm phong tài liệu, đồ vật bị tạm giữ được thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Việc thu giữ ma túy tại vị trí dưới nền vỉa hè cạnh xe mô tô biển số 60B9-50304 được niêm phong (ký hiệu M1) và ma túy trong ba lô màu đỏ đô để trên gác ba ga xe mô tô biển số 60B9-50304 được niêm phong (ký hiệu M2) mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ.

[2.4] Tại phiên tòa ngày 23/6/2023, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng,

của tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận, khoảng 19 giờ 20 phút ngày 07/7/2022, Lê Văn Đ tàng trữ trái phép chất ma túy. Tại Kết luận giám định số 1473/KL-KTHS ngày 17/8/2022 kết luận là ma túy có khối lượng 87,6983 gam loại Methamphetamine. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo điểm b khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

[3] Trách nhiệm hình sự và hình phạt: Hành vi của bị cáo xâm phạm chính sách độc quyền của nhà nước về quản lý ma túy. Ma túy là chất gây nghiện, người nghiện ma túy bị ảnh hưởng đến thể chất, tinh thần. Tội phạm ma túy có thể là nguyên nhân gây ra các tội phạm khác nên Nhà nước nghiêm cấm hành vi mua bán, tàng trữ, sử dụng… Bị cáo là người đã trưởng thành, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ tác hại của ma tuý nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý, thể hiện bị cáo xem thường pháp luật. Xét thấy, hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội nhằm răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, bị cáo từng tham gia bộ đội, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình có công với cách mạng và đang nuôi con nhỏ là tình tiết nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định trong niêm phong số 1473/KLGĐ-PC09; 01 bao thuốc lá hiệu 555; 01 ba lô màu đỏ đô; 01 túi vải màu đen; 01 kéo sắt trắng; 01 cân tiểu ly hiệu Pocket seale.

- 01 quần jean màu xanh; 01 quần đùi màu trắng; 01 quần soọc ca rô màu xanh; 01 ví da màu nâu; 01 chứng minh nhân dân số 272145628; 01 giấy phép lái xe số AM 186500 hạng A1; 01 giấy phép lái xe số AU 243279 hạng B2; 03 điện thoại di động hiệu Iphone và 01 điện thoại di động hiệu Samsung; 01 đèn pin; 01 sợi dây kim loại và số tiền 8.850.000 đồng là tài sản của Lê Văn Đ không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho Đ là phù hợp.

- 01 xe mô tô biển số 60B9-50304 và giấy chứng nhận đăng ký số 031255 thuộc sở hữu của Lê Tiến P, sinh năm 2000; trú tại tổ 8, khu phố 4, thị trấn V, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. P cho Đ mượn xe mô tô nhưng không biết Đ sử dụng đi mua ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu đã giao trả cho Lê Tiến P là có căn cứ.

[7] Vấn đề khác:

Đối với đối tượng H2 qua xác minh có tên là Phan Thị H2, sinh năm 1983 trú tại khu phố 2, thị trấn V, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Hiện H2 không có mặt tại địa phương. Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu tiếp tục xác minh làm rõ xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với Võ Đ B là người Đ gặp ngang đường nhờ chở đi. Qua xác minh hiện B không có mặt tại địa phương. Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu tiếp tục xác minh làm rõ xử lý theo quy định pháp luật.

[8] Tại phiên tòa ngày 22/6/2023, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội như đã phân tích tại mục 2.1, 2.2, 2.3 nêu trên nên đại điện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi" cho bị cáo. Tại phiên tòa ngày 23/6/2023, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo nội dung cáo trạng truy tố bị cáo nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi" và thay đổi đề nghị về hình phạt đối với bị cáo. Xét quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn Đ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Đ 10 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/10/2022.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự 2015 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định trong niêm phong số 1473/KLGĐ-PC09; 01 bao thuốc lá hiệu 555; 01 ba lô màu đỏ đô; 01 túi vải màu đen; 01 kéo sắt trắng; 01 cân tiểu ly hiệu Pocket seale.

Trả lại cho bị cáo Lê Văn Đ: 01 quần jean màu xanh; 01 quần đùi màu trắng; 01 quần soọc ca rô màu xanh; 01 ví da màu nâu; 01 chứng minh nhân dân số

272145628; 01 giấy phép lái xe số AM 186500 hạng A1; 01 giấy phép lái xe số AU 243279 hạng B2; 03 điện thoại di động hiệu Iphone và 01 điện thoại di động hiệu Samsung; 01 đèn pin; 01 sợi dây kim loại và số tiền 8.850.000 đồng.

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản và biên lai thu tiền ngày 07/4/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Phòng KTNV – TAND tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tuấn